

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **63/2022/DS-PT**

Ngày: 17 – 5 – 2022

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu
cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST, ngày 21-01-2022 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2022/QĐ-PT, ngày 08-4-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phan VL**. Nơi cư trú: ấp A, xã TL, thị xã N, tỉnh ST. (có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông **Võ VB**.

2. Bà **Trần TU**. (có mặt)

Cùng cư trú: ấp A, xã TL, thị xã N, tỉnh ST.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn Bồi: Bà Trần TU. Nơi cư trú: ấp A, xã TL, thị xã N, tỉnh ST (theo văn bản ủy quyền ngày 10/5/2022). (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Trần TU: Ông Phạm MT - Luật sư Văn phòng luật sư Phạm Minh Thủ, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: ấp XM, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh ST. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Dương Thị Y** . Địa chỉ: ấp 18, xã TL, thị xã N, tỉnh ST. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Võ VB và bà Trần TU.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo phía nguyên đơn ông Phan Văn Lữ trình bày: Vào ngày 11/02/1985 ông Trương VT (ông VT đã chết tháng 4/1995) có chuyển nhượng cho ông phần đất hoang gồm 05 cái đìa, 01 cái nền nhà cùng bờ bao ngăn để bắt cá thiên nhiên giáp ruộng. Lúc chuyển nhượng đất có lập giấy tay đề ngày 11/02/1985 và được cơ sở ấp 21 xác nhận là đất gốc của ông Trương không có ai tranh chấp. Khi đó có ông Trần VK, ông Võ VB là các hộ giáp ranh chứng kiến ký tên. Phần đất này khi chuyển nhượng ông T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất này ông đứng tên trong sổ mục kê của huyện Thạnh Trị từ ngày 11/02/1985 đến khi chia về huyện Ngã Năm ông cũng còn đứng tên trong sổ mục kê. Ông sử dụng phần đất này liên tục từ khi chuyển nhượng cho đến nay mà không có tranh chấp. Trong quá trình sử dụng đất ông nộp thuế đầy đủ. Phần đất này trước đây là thửa 683 diện tích là 23.978 m² nhưng hiện nay thửa đất mới là 332, diện tích 1.935,7 m² tọa lạc ấp 18, xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng nhưng ông không biết lý do gì sao có sự chênh lệch này. Đến ngày 25/3/2013 do đìa ít cá nên ông kêu máy cuốc đìa và nền đìa cùng bờ bao ngăn để làm ruộng. Ông mượn xe máy cuốc là của người chủ ở tỉnh Đồng Tháp do ông Lê TD kêu dùm với số tiền là 8.000.000 đồng, ông đã trả đủ hết số tiền này.

Khi đang cuốc được phân nửa thì phía ông Võ VB đến ngăn cản không cho máy tiếp tục cuốc. Lý do, ông VB cho rằng phần đất có diện tích 276 m² (theo đo đạc thực tế của Tòa án là 248 m²) thuộc thửa 332 là của cha mẹ ông VB để lại cho ông VB. Tuy nhiên, từ trước đến nay phần đất này phía gia đình ông VB không sử dụng mà do ông T sử dụng. Sau khi ông T chuyển nhượng cho ông thì ông tiếp tục sử dụng dùng để bơm sinh từ dưới đìa lên bắt cá. Đồng thời ông cũng làm bờ bao ngăn để chứa sinh hơn 28 năm nay, hằng năm ông đều sử dụng và làm cỏ hoang nên mới được như ngày hôm nay. Trước đây ông T chuyển nhượng cho ông là cái hồ sâu. Sự việc ông có nhờ chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành.

Nay nguyên đơn ông Phan VL yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 248 m², thuộc thửa đất số 332, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại xã TL, thị xã N, tỉnh ST là của ông và yêu cầu ông VB và bà Trần TU bồi thường số tiền cuốc thuê máy cuốc đất là 4.000.000 đồng.

Bị đơn ông Võ VB trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha ông tên Võ VK để lại cho vợ chồng ông. Cha ông sử dụng phần đất này từ năm 1945 đến năm 2002 cha ông chết thì để lại cho ông. Ông tiếp tục sử dụng cho đến năm 2009 thì ông bị bệnh phong nên không còn sử dụng đất nữa. Đến năm 2013 thì ông VL bao chiếm nên phát sinh tranh chấp đến nay. Khi cha ông sử dụng thì hiện trạng phần đất này là đất trồng dùng để làm đường lùa trâu đi, khi ông quản lý phần đất này thì ông cũng bỏ không có canh tác được gì. Phần đất này trước đây thì ông T có xin cha ông bơm sinh vào đất nên bồi đắp dần dần. Sau này ông VL cũng hỏi xin bơm sinh, có lúc thì ông VL cùng làm ngang không có hỏi. Do hàng

năm ông T, sau này là ông VL bơm sinh vào phần đất nên dần dần thành nền như hiện nay, chứ trước đây là đất trũng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về công nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 248 m², thuộc thửa đất số 332, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp 18, xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng cho nguyên đơn thì ông không đồng ý và cũng không đồng ý bồi thường số tiền 4.000.000 đồng. Do đây là đất của ông chứ không phải đất của ông VL nên việc ông Lũy kêu máy cuốc vào cuốc đất là không đúng.

Bị đơn bà Trần TU trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chồng bà là ông Võ VB.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện thị xã Ngã Năm đã tuyên xử như sau:

Căn cứ vào khoản 6, khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92 Điều 157, Điều 165, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 180, Điều 182 và Điều 236 và Điều 584 của Bộ luật Dân sự; Điều 101, Điều 203 của Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26, điểm a Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan VL.

Nguyên đơn ông Phan VL được quyền sử dụng phần đất có diện tích diện tích là 248 m², thuộc thửa 332, tờ bản đồ số 07, tọa lạc ấp 18, xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có tứ cạnh cụ thể như sau:

- + Hướng Đông giáp phần đất ông Võ VB có số đo: 16,90m.
- + Hướng Tây giáp phần đất ông Phan VL có số đo: 10,6m.
- + Hướng Nam giáp phần đất ông Võ VB có số đo: 22m.
- + Hướng Bắc giáp phần đất ông Phan VL số đo: 17,20m.

(có sơ đồ kèm theo)

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan VL về việc yêu cầu các bị đơn ông Võ VB và bà Trần TU có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí thẩm định, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 28/01/2022 bị đơn ông Võ VB và bà Trần TU kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết như sau: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng không công nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 248m², thuộc thửa đất số 332, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp 18, xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng cho ông Phan Văn Lũy.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Trần T U trình bày: Do bản án dân sự sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, khách quan chưa đảm bảo quyền lợi của bị đơn nên bị đơn kháng cáo yêu cầu sửa án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Theo hồ sơ thể hiện thì thửa đất có hai sổ mục kê, tại sổ thứ nhất (bút lục 19-20) thể hiện người quản lý là hộ ông VL, ông VB do Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Ngã Năm sao y; tại sổ mục kê số hai (bút lục 162) tại thửa 332 ghi tên bà Ng (Bảy Th) thông tin và người sử dụng đất khác nhau và hiện nay phần đất này chưa cấp quyền sử dụng đất cho ai. Về nguồn gốc đất nguyên đơn cho rằng mua của ông T, theo nội dung giao kèo thỏa thuận từ bờ bao ngạn ruộng của ông VB chạy dài lên đất ông VK, giấy này không thể hiện ông T sang cho ông VL diện tích bao nhiêu và chiều ngang, chiều dài bao nhiêu, chỉ sang nằm trong bờ bao và chỉ sang nền nhà và 05 cái đìa. Bị đơn thì cho rằng nguồn gốc đất là của cha ông để lại cho vợ chồng ông sử dụng, mặc dù không có giấy tờ gì nhưng những người sống lâu năm ở địa phương như bà H, bà Đ và ông B đều trình bày đất này là của ông K và khi ông K chết thì để lại cho ông VB. Về quá trình sử dụng thì ông T tác đìa, có bơm nước, bơm sinh qua phần đất này nhiều năm nên không còn là đất trũng; bị đơn không thừa nhận lời khai của ông K, ông T lý do là ông K chủ động yêu cầu Tòa án tiến hành lấy lời khai ông và lời khai của ông T thì khai từ khi cha ông sang đất thì không có đến đây nữa nên lời khai của ông T, ông K đã bị tác động nên không thể sử dụng làm chứng cứ, đồng thời tại khu vực này ông VB sử dụng 04 thửa đất trên 50.000m², ông K còn cho nhiều người khác sử dụng và để canh tác đất thì sử dụng sức kéo của trâu nên phần đất này là sử dụng để trâu nằm và kéo lúa, ông T cũng là người bà con nên ông K cho bơm sinh. Những năm gần đây thì không còn ai sử dụng và từ khi có tranh chấp thì phía ông VB có sang đốn cây làm củi 02 lần và khi đốn đều báo với chính quyền địa phương. Phần đất này không do nguyên đơn khai phá, cũng không chứng minh được tặng cho hay chuyển nhượng và cũng không có giấy tờ gì nên không có căn cứ cho rằng là đất của nguyên đơn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 275 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các bên đương sự thống nhất phần đất tranh chấp có diện tích 248m² thuộc một phần của thửa đất 332, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp 18, xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án công nhận phần đất này cho nguyên đơn, bị đơn cho rằng phần đất này có nguồn gốc của cha ông để lại nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Phần đất này hiện nay chưa ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.2] Xét về nguồn gốc đất: Nguyên đơn ông Phan VL cho rằng nguồn gốc thửa đất 332, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp 18, xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng là của ông đã chuyển nhượng của ông Trương T vào ngày 11/02/1985, từ khi chuyển nhượng năm 1985 thì ông sử dụng liên tục đến khi phát sinh tranh chấp năm 2013 với ông VB. Bị đơn thì cho rằng phần đất trên có nguồn gốc là của cha ông là ông Võ VK để lại cho vợ chồng ông từ năm 2002 đến nay. Xét thấy, qua các lời khai của bà Trần Đ (Bút lục 150,151), lời khai bà Phạm H (Bút lục 152, 153) và lời khai ông Phạm B (Bút lục 148, 149) là những người cùng địa phương xác định phần đất trên có nguồn gốc là của ông Võ VK để lại cho ông Võ VB và khi ông Phan VL tác địa bóm sinh lên phần đất đang tranh chấp thì có qua hỏi ông Phan VB, các ông bà không xác định việc ông VL hỏi bóm sinh lên phần đất này mà các ông bà chỉ nghe nói lại chứ không có chứng kiến. Ngoài các lời khai này thì ông Võ VB và bà Trần TU không có bất kỳ tài liệu chứng cứ nào để chứng minh nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của gia đình ông VB. Trong quá trình giải quyết vụ án ông VB cũng thừa nhận trước khi ông T chuyển nhượng đất cho ông VL thì phần đất tranh chấp ông T sử dụng để bóm sinh khi tác địa và tại Công văn số 116/CV-TNMT ngày 27/11/2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Ngã Năm xác định phần đất trên thuộc một phần của thửa 332, tờ bản đồ số 07 do bà Ng đứng tên trong sổ mục kê; theo các văn bản xác minh tại địa phương thì ở địa phương chỉ có bà Triệu Thị Ng, ngoài ra không có ai khác tên Ng và bà Triệu Thị Ng cũng xác định phần đất tranh chấp này không có liên quan gì đến bà (Bút lục 305-307); tại Giấy tay giao kèo ngày 11/02/1985 cũng thể hiện rõ “Tôi có đồng ý sang nhượng cho ông Phan VL ngụ ấp 21, xã Vĩnh Tân một nền nhà và cây lá cùng bờ bao ngăn giữ cá trong ruộng bờ bao ngăn từ ranh Sáu B chạy dài đến ranh chú út K chạy lên giáp phần đất của ba C trong đó có 05 cái địa tôi sang hết cho Phan VL sử dụng” và khi lập tờ giao kèo này ông Võ VB cũng có chứng kiến và ký tên; lời khai ông Trương VT con ông T (Bút lục 158) và ông Trần VK (Bút lục 154) cũng là người kế cận từ trước đến nay cũng không có mâu thuẫn gì với các bên cũng xác định phần đất tranh chấp là của ông T sang cho ông VL. Từ những căn cứ này có cơ sở xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc do Phan VL sang của ông Trương VT từ ngày 11/02/1985.

[2.3] Về quá trình sử dụng sử dụng đất: Theo nguyên đơn trình bày phần đất này ông đã trực tiếp quản lý từ khi chuyển nhượng đất của ông T năm 1985 để chứa sinh khi tát địa. Còn bị đơn thì cho rằng phần đất này là đất trũng cha bị đơn

dùng để làm đường lùa trâu, đến khi cha bị đơn mất thì bị đơn cũng bỏ trống không có canh tác và trước đây cha ông có cho ông T mượn dùng để chứa sinh khi tát đìa và sau này thì ông VL cũng xin gia đình ông bờm sinh qua phần đất này khi tát đìa nên dần dần đất trũng thành đất nền như hiện nay. Xét thấy, theo lời trình bày của nguyên đơn Phan VL, bị đơn Võ VB thì phần đất tranh chấp này trước khi bán cho ông VL thì ông T đã sử dụng để chứa sinh khi tát đìa, khi chuyển nhượng đìa cho ông VL thì ông VL cũng sử dụng phần đất này để chứa sinh; Ông VB cho rằng khi sử dụng phần đất này thì ông T cũng như ông VL có hỏi xin gia đình ông nhưng ông VL không thừa nhận và ông VB cũng không có chứng cứ gì để chứng minh; theo lời khai của các ông, bà Trần Thị Đ, Phạm Thị H và Phạm Văn B thì họ không có chứng kiến việc ông T hay ông VL hỏi gia đình ông VB để bơm sinh mà họ biết là nghe nói lại; phía ông VB cho rằng từ năm 1945 đến năm 2002 cha ông có sử dụng đường này để lùa trâu nhưng cũng không có chứng cứ gì để chứng minh. Từ đó có cơ sở xác định phần đất trên ông T đã sử dụng từ trước năm 1985 và sau đó chuyển nhượng lại cho ông VL thì ông VL sử dụng liên tục đến khi có tranh chấp.

[2.4] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ: Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ hiện trạng đất vào ngày 07/4/2017 thể hiện trên phần đất tranh chấp có một số cây tự mọc, không ai trồng, phần đất tranh chấp nằm kẹp bên phần đất của ông Phan VL sử dụng và phần đất này được ngăn cách với đất của ông Võ Văn Bồi bởi bờ bao 03m và bờ bao 06m.

[2.5] Từ những căn cứ trên cấp sơ thẩm xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp có diện tích 248m² thuộc một phần của thửa đất 332, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp 18, xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng là của ông Phan Văn Lũy đã nhận chuyển nhượng của ông Trương Văn T và sử dụng công khai liên tục từ khi nhận chuyển nhượng, không ai tranh chấp, đến năm 2013 mới phát sinh tranh chấp nên công nhận phần đất trên cho ông Phan VL là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.6] Ông Võ VB và bà Trần TU kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu của ông Phan VL nhưng không có bất cứ chứng cứ nào mới để chứng minh phần đất trên là của gia đình ông, chứ không phải của ông T chuyển nhượng cho ông VL nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[2.7] Từ những phân tích trên thấy rằng đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại Tòa là không có căn cứ Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn Võ VB và Trần TU và áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên án sơ thẩm là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Các phần khác của bản án không kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị đơn không được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, do các bị đơn đã trên 60 tuổi nên căn cứ theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị đơn được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Võ VB và bà Trần TU. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2022/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào khoản 6, khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điểm a, c khoản 1 39, khoản 2 Điều 92 Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 180, Điều 182 và Điều 236 và Điều 584 của Bộ luật Dân sự; Điều 101, Điều 203 của Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan VL.

Nguyên đơn ông Phan VL được quyền sử dụng phần đất có diện tích diện tích là 248 m², thuộc thửa 332, tờ bản đồ số 07, tọa lạc ấp 18, xã Tân Long, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có tứ cạnh cụ thể như sau:

- + Hướng Đông giáp phần đất ông Võ VB có số đo: 16,90m.*
- + Hướng Tây giáp phần đất ông Phan VL có số đo: 10,6m.*
- + Hướng Nam giáp phần đất ông Võ VB có số đo: 22m.*
- + Hướng Bắc giáp phần đất ông Phan VL số đo: 17,20m.*

(có sơ đồ kèm theo)

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan VL về việc yêu cầu các bị đơn ông Võ VB và bà Trần TU có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

3. Về chi phí thẩm định và định giá: Buộc các bị đơn ông Võ VB và bà Trần TU phải liên đới chịu là 1.842.500 đồng (Một triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng). Do nguyên đơn đã tạm ứng thanh toán nên các bị đơn ông Võ VB và bà Trần TU có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Phan VL số tiền 1.842.500 đồng (Một triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn ông Võ VB và bà Trần TU được miễn, không phải chịu. Nguyên đơn ông Phan VL được miễn, không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp 376.000 đồng (Ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai 0004516 ngày 09/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

* Về án phí dân sự phúc thẩm: Các bị đơn ông Võ VB và bà Trần TU được miễn, không phải chịu.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

* Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01 bản);
- TAND TX. Ngã Năm (02 bản);
- Chi cục THADS TX. Ngã Năm (01 bản);
- Các đương sự (04 bản);
- Lưu: VP, HS (05 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Tôn Thị Thanh Thúy